

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TKD21B2** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02111** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Kỹ năng giao tiếp**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTKD0108	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	24/08/2006			8.5	7	4	3.3			0.0	0.0	2.0
2	21BTKD0109	Nguyễn Thị Hương Dương	16/09/1999			9	8.5	8	7.8			9.8		9.2
3	21BTKD0110	Ngô Nguyễn Đình	11/06/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
4	21BTKD0111	Quách Kim Hương	27/11/2004			8.5	5.2	4	4			0.0	0.0	2.0
5	21BTKD0112	Trần Quang Khải	27/12/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
6	21BTKD0113	Nguyễn Vĩ Khang	06/01/2006			4	8.5	5.5	7.8			9.6		8.4
7	21BTKD0114	Dương Phước Lập	20/04/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
8	21BTKD0115	Bùi Thị Diễm My	02/06/2005			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
9	21BTKD0116	Nguyễn Văn Nhân	28/10/2006			0	7	7.5	7			0.0	0.0	2.4
10	21BTKD0117	Âu Thị Tuyết Nhi	16/12/2006			6	6.5	5	3.8			0.0	0.0	2.0
11	21BTKD0118	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	10/12/2006			7	6.5	7.8	8			8.6		8.2
12	21BTKD0119	Lê Thị Ngọc Nhiên	12/06/2005			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
13	21BTKD0120	Lê Phước Sang	27/01/2006			6	7	8	7.8			0.0	0.0	3.0
14	21BTKD0121	Lê Thị Phương Thảo	23/06/1990			7.2	8.5	7.8	8.2			8.4		8.2
15	21BTKD0122	Phan Thị Kim Tiên	06/05/2006			7	5	5	4			0.0	0.0	2.0
16	21BTKD0123	Lê Trung Tính	30/09/1999			7	8.5	8	7.8			10.0		9.1
17	21BTKD0124	Trần Thị Huỳnh Trang	30/12/1996			9	7	8	8.4			10.0		9.3
18	21BTKD0125	Trịnh Anh Tuấn	24/09/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
19	21BTKD0126	Nguyễn Ngọc Tường Vy	30/08/2006			7	8.5	7.5	7.8			8.0		7.9
20	21BTKD0127	Nguyễn Thị Ngọc Yến	26/06/2006			9	6.5	4	3.2			0.0	0.0	2.0
21	21BTKD0573	Phạm Vương Thanh Mai	06/11/1999			7	7	8	7.8			9.4		8.7
22	21BTKD0574	Trương Minh Nhựt	20/12/2003			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
23	21BTKD0580	Nguyễn Thị Hải Yến	26/10/1981			7	7	7.8	9.2			9.2		8.7

Châu Đốc, ngày 28 tháng 9 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Ngô Tòng Dương